

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
QUỐC TẾ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên
Ông Vũ Hoàng Thao	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên
Bà Phùng Thúy Hoa	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thái Hòa	Tổng Giám đốc
Ông Lê Vĩnh Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phùng Thúy Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Thế Tùng	Phó Tổng Giám đốc

Trưởng ban Tài chính - Đầu tư

Ông Triệu Văn Bằng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày 31/12/2019 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thái Hòa

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27/03/2020, từ trang 06 đến trang 43 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty mẹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Công việc kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Công việc này chỉ thực hiện được khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù và chi tiết hơn áp dụng riêng cho công tác kiểm toán quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2019, một số khoản công nợ phải thu khách hàng tồn đọng đã lâu, khó có khả năng thu hồi nhưng chưa được Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu này cũng như giá trị cần phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi của chúng.

Chúng tôi chưa thu thập được xác nhận giá trị đầu tư cũng như Báo cáo tài chính của một số khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết, đầu tư khác với giá trị 19.425.273.239 đồng. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư các khoản đầu tư chưa được đối chiếu, xác nhận cũng như đánh giá về giá trị thuần của các khoản đầu tư tại ngày 31/12/2019.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhân mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 20.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: “Giảm lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay Ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xoá nợ lãi vay phải trả theo quy định. Đến thời điểm 31/12/2019, Công ty đã lập hồ sơ và làm thủ tục này tuy nhiên đang đợi Bộ tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam giải quyết.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1395-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		195.630.111.225	190.304.094.189
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	47.946.129.954	6.882.473.241
Tiền	111		7.946.129.954	4.293.973.241
Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	2.588.500.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	13	6.594.600.000	13.189.100.000
Chứng khoán kinh doanh	121		6.594.600.000	13.189.100.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		134.018.045.162	161.765.480.831
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	79.870.868.001	74.388.148.143
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.868.519.379	13.856.181.405
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	14	4.399.800.000	4.399.800.000
Các khoản phải thu khác	136	6	43.466.745.686	68.638.135.533
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.071.103.654)	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	7	483.215.750	483.215.750
Hàng tồn kho	140		4.134.979.404	6.987.253.072
Hàng tồn kho	141	8	4.134.979.404	6.987.253.072
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.936.356.705	1.479.787.045
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	614.360.425	152.196.352
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.468.280.734	474.294.545
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	853.715.546	853.296.148
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		548.365.209.289	416.307.151.612
Tài sản cố định	220		23.862.310.620	28.387.627.086
Tài sản cố định hữu hình	221	10	23.716.110.610	28.182.947.080
- Nguyên giá	222		85.199.729.125	84.345.447.482
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.483.618.515)	(56.162.500.402)
Tài sản cố định vô hình	227	11	146.200.010	204.680.006
- Nguyên giá	228		392.400.000	392.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(246.199.990)	(187.719.994)
Tài sản dở dang dài hạn	240		220.606.615.635	168.506.724.844
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	220.606.615.635	168.506.724.844
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	302.064.360.102	217.323.209.126
Đầu tư vào công ty con	251		82.756.118.885	84.796.118.885
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		154.941.242.229	32.521.242.229
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		67.783.767.705	103.700.957.936
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.416.768.717)	(3.695.109.924)
Tài sản dài hạn khác	260		1.831.922.932	2.089.590.556
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.831.922.932	2.089.590.556
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		743.995.320.514	606.611.245.801

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		418.078.550.040	271.807.928.648
Nợ ngắn hạn	310		323.850.308.354	178.017.694.637
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	18.113.374.957	12.905.525.754
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		330.750	106.389.419
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	-	84.041.050
Phải trả người lao động	314		1.612.631.950	1.253.777.667
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.247.426.846	1.231.173.373
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		14.900.683	376.687.728
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	123.239.903.649	123.239.193.462
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	179.592.888.631	38.792.055.296
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		28.850.888	28.850.888
Nợ dài hạn	330		94.228.241.686	93.790.234.011
Phải trả người bán dài hạn	331	15	41.337.512.744	41.364.205.069
Phải trả dài hạn khác	337	18	52.890.728.942	52.426.028.942
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		325.916.770.474	334.803.317.153
Vốn chủ sở hữu	410	20	325.916.770.474	334.803.317.153
Vốn góp của chủ sở hữu	411		360.000.000.000	360.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.000.000.000	360.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(34.083.229.526)	(25.196.682.847)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(25.196.682.847)	(26.462.310.670)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(8.886.546.679)	1.265.627.823
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		743.995.320.514	606.611.245.801

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Phùng Ngọc Dung

Trưởng ban Tài chính- Đầu tư

Triệu Văn Bằng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thái Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	65.465.278.246	46.700.798.765
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		65.465.278.246	46.700.798.765
Giá vốn hàng bán	11	23	60.552.873.548	39.003.530.491
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.912.404.698	7.697.268.274
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	13.838.752.542	7.877.631.940
Chi phí tài chính	22	25	4.338.625.733	2.584.250.089
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		42.968.989	777.700.441
Chi phí bán hàng	25	26	3.635.214.348	2.916.394.312
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	19.022.785.542	11.548.564.593
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.245.468.383)	(1.474.308.780)
Thu nhập khác	31	27	295.051.346	1.500.512.344
Chi phí khác	32	28	898.329.642	42.667.905
Lợi nhuận khác	40		(603.278.296)	1.457.844.439
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.848.746.679)	(16.464.341)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(8.848.746.679)	(16.464.341)

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Phùng Ngọc Dung

Trưởng ban Tài chính- Đầu tư

Triệu Văn Bằng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thái Hòa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		61.503.732.270	45.770.208.119
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(50.516.963.841)	(52.215.563.269)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.621.480.042)	(9.338.365.694)
Tiền lãi vay đã trả	04		(381.197.757)	(782.717.808)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		38.037.436.253	143.793.486.161
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.984.470.557)	(51.983.543.321)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.037.056.326	75.243.504.188
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(49.770.035.331)	(31.973.833.804)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		276.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(4.822.500.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.115.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(125.480.000.000)	(18.551.208.666)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		48.660.000.619	1.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.429.161.532	329.741.765
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(117.769.873.180)	(54.017.800.705)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		270.535.000.000	66.030.503.318
Tiền trả nợ gốc vay	34		(129.734.166.665)	(83.450.503.318)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		140.800.833.335	(17.420.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		41.068.016.481	3.805.703.483
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.882.473.241	3.075.753.055
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.359.768)	1.016.703
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	47.946.129.954	6.882.473.241

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Phùng Ngọc Dung

Trưởng ban Tài chính- Đầu tư

Triệu Văn Bằng

Tổng Giám đốc

Stamp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ
INTERSERCO
MISDN: 0100110...
TP. HÀ NỘI

Nguyễn Thái Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (tiên thân là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) - (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 218/2005/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được hoạt động và thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100110052 chuyển từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000354 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2006, thay đổi lần thứ 14 ngày 30 tháng 11 năm 2016 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ

Tên tiếng anh: INTERNATIONAL INVESTMENT TRADE AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY.

Tên công ty viết tắt: INTERSERCO.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của công ty: 360.000.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ đồng).

Đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Tiến Toàn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Thái Hòa - Tổng Giám đốc

Các chi nhánh:

- Xí nghiệp Sản xuất và Thương mại Sơn Đồng. Địa chỉ: Cụm 4, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Mã số chi nhánh: 0100110052-005;

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty kinh doanh trên lĩnh vực thương mại, dịch vụ, xây lắp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
Chi tiết: kinh doanh dịch vụ logistics.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: dịch vụ hàng tạm nhập tái xuất và quá cảnh. Kinh doanh bán hàng miễn thuế.
Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Sản xuất giày dép;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì giấy và bì;
- In ấn;
- Xây dựng nhà các loại;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Dịch vụ ăn uống khác;
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Cổng thông tin;
(Trừ hoạt động báo trí).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
(Trừ dược phẩm).
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ hóa chất Nhà nước cấm).
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Hoạt động các đại lý và môi giới bảo hiểm;
Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bảo hiểm.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp;
Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao - không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền).
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật khác có liên quan;
- Quảng cáo;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Hoạt động các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm.
Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Kinh doanh, chế biến khoáng sản (trừ loại khoáng sản nhà nước cấm).
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Chi tiết: kinh doanh vận tải đa phương thức.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ kinh doanh thông thường là dưới 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Đơn vị

A. Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc

1. Xí nghiệp Sản xuất và Thương mại Sơn Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Đơn vị

B. Các Công ty con

1. Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây
2. Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình
3. Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế
4. Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam

C. Các Công ty liên doanh, liên kết

1. Công ty TNHH Interserco Cao Bằng
2. Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Hải Phòng
3. Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ DIN - Interserco Việt Nam
4. Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá An Bình - Yên Bái
5. Công ty Cổ phần Interserco – CB
6. Công ty Cổ phần Interserco 19
7. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế
8. Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế
9. Công ty May Liên doanh Plummy
10. Công ty Cổ phần Tây Tây Bắc
11. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam
12. Công ty Cổ phần Chuỗi Cung ứng Liên hợp
14. Công ty Cổ phần Logistics Tây Ninh
13. Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc; lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Lợi nhuận được chia hàng năm từ các khoản đầu tư tài chính được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu được Công ty đánh giá là khó có khả năng thu hồi. Đối với các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty đánh giá là vẫn có khả năng thu hồi thì Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Một số tài sản được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại ngày 31/12/2014 và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội theo quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
- Máy móc, thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Tài sản cố định khác	04 - 25

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính và phần mềm kiểm soát bãi đỗ xe. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Phần mềm máy vi tính	03 - 08
- Tài sản cố định khác	03 - 08

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định và các khoản chi phí khác được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng theo phương pháp đường thẳng theo các qui định kế toán hiện hành. Các chi phí trả trước dài hạn khác có thời gian phân bổ không quá 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ.
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

3.12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay. Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

3.13. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa cho tài sản dở dang đó sẽ được xác định là chi phí đi vay thực tế phát sinh từ các khoản vay trừ (-) đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này.

3.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa có đủ hồ sơ.

3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Theo Quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế tổng số cổ phần 36.000.000, mệnh giá cổ phần 10.000 VND/cổ phần. Theo Quyết định số 6955/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 về việc chuyển Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế chiếm 45% vốn điều lệ, phần vốn của các cổ đông khác chiếm 55% vốn điều lệ.

3.16 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Tiền mặt	427.810.090	116.671.091
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.518.319.864	4.177.302.150
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	40.000.000.000	2.588.500.000
	47.946.129.954	6.882.473.241

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	79.870.868.001	74.388.148.143
- Công ty Cổ phần vận tải Thương mại và Xuất nhập khẩu Thiện Tài	24.353.472.000	24.403.472.000
- Công ty Cổ phần Măng gan Chiến Thắng	18.628.342.970	18.878.342.970
- XNXD3 - Tổng công ty Đầu tư và PT hạ tầng đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV	7.152.015.210	8.499.377.310
- Công ty Cổ phần thương mại điện máy Việt Long	7.071.103.654	7.071.103.654
- Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	5.347.799.366	2.799.000.001
- Công ty Cổ phần đối tác Hàng hóa Hàng không	6.439.323.658	1.257.794.611
- Các khách hàng khác	10.878.811.143	11.479.057.597
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	5.388.189.366	5.335.975.754
- Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	5.347.799.366	2.799.000.001
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	40.390.000	7.510.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	-	-
- Công ty Cổ phần Interserco - CB	-	2.529.465.753

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	43.466.745.686	-	68.638.135.533	-
- Phải thu khác	22.926.453.074	-	32.326.112.210	-
+ Bà Phùng Thúy Hoa	-	-	5.009.358.904	-
+ Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	7.412.630.005	-	5.911.274.827	-
+ Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	765.000.000	-	3.471.678.081	-
+ Ông Trịnh Quang Chiến	3.560.333.333	-	3.560.333.333	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	893.884.851	-	497.250.000	-
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	879.487.719	-	61.560.000	-
+ Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	1.868.296.555	-	1.102.630.348	-
+ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đồng Gia Phát	2.816.668.586	-	2.816.668.586	-
+ Bà Nguyễn Nhật Lam	1.069.455.000	-	1.069.455.000	-
+ Bà Nguyễn Thụy Hương	-	-	5.402.804.734	-
+ Các đối tượng khác	3.660.697.025	-	3.423.098.397	-
- Ký cược, ký quỹ	42.100.000	-	68.158.600	-
- Các khoản tạm ứng	20.498.192.612	-	36.243.864.723	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
	43.466.745.686	-	68.638.135.533	-
c. Phải thu khác là các bên liên quan	11.819.299.130	-	20.740.555.586	-
+ Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	1.868.296.555	-	1.102.630.348	-
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	879.487.719	-	61.560.000	-
+ Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	765.000.000	-	3.471.678.081	-
+ Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	7.412.630.005	-	5.911.274.827	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	893.884.851	-	497.250.000	-
+ Trường Trung cấp nghề nhân lực Quốc tế Hà Nội	-	-	185.503.426	-
+ Bà Phùng Thúy Hoa	-	-	5.009.358.904	-
d. Tạm ứng là các bên liên quan				
+ Bà Phùng Thúy Hoa	-	-	4.501.300.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Hợp đồng đá subbase (*)	483.215.750	483.215.750
	483.215.750	483.215.750

(*) Công ty có thực hiện hợp đồng mua bán đá nhưng trong quá trình thực hiện khách mua đã tự ý huỷ hợp đồng. Do đó, lô hàng này được gửi tại bãi của người bán (có biên bản xác nhận). Sau đó, Công ty đã tìm khách hàng để thực hiện bán lô hàng này nhưng không thành công. Công ty đã gửi hồ sơ để xác nhận công nợ hàng năm nhưng đều không có người nhận và đều bị trả lại.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	46.744.211	-	46.744.211	-
- Hàng hoá	4.077.332.687	-	6.639.295.304	-
- Hàng gửi đi bán	10.902.506	-	301.213.557	-
	4.134.979.404	-	6.987.253.072	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	614.360.425	152.196.352
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	614.360.425	152.196.352
b. Chi phí trả trước dài hạn	1.831.922.932	2.089.590.556
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	617.556.190	495.775.888
- Chi phí giới thiệu cảng ICD Mỹ Đình	811.394.957	811.394.957
- Chi phí đền bù hoa màu	305.199.357	316.263.981
- Chi phí trả trước dài hạn khác	97.772.428	466.155.730
	2.446.283.357	2.241.786.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2019	79.089.355.937	1.748.547.532	3.204.708.013	50.960.000	251.876.000	84.345.447.482
- Tăng do đầu tư mua sắm	-	-	1.203.334.545	35.162.000	-	1.238.496.545
- Tăng khác (*)	136.076.007	-	-	-	-	136.076.007
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(520.290.909)	-	-	(520.290.909)
31/12/2019	79.225.431.944	1.748.547.532	3.887.751.649	86.122.000	251.876.000	85.199.729.125
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2019	51.626.983.004	1.645.517.236	2.682.685.055	40.439.103	166.876.004	56.162.500.402
- Khấu hao trong năm	5.397.349.427	103.030.296	313.327.050	10.702.245	17.000.004	5.841.409.022
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(520.290.909)	-	-	(520.290.909)
31/12/2019	57.024.332.431	1.748.547.532	2.475.721.196	51.141.348	183.876.008	61.483.618.515
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2019	27.462.372.933	103.030.296	522.022.958	10.520.897	84.999.996	28.182.947.080
31/12/2019	22.201.099.513	-	1.412.030.453	34.980.652	67.999.992	23.716.110.610

(*) Tăng do hạch toán theo Kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước số 902/TB-KV1 ngày 11/12/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm	Tổng cộng
	máy vi tính VND	VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
01/01/2019	392.400.000	392.400.000
31/12/2019	392.400.000	392.400.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2019	187.719.994	187.719.994
- Khấu hao trong năm	58.479.996	58.479.996
31/12/2019	246.199.990	246.199.990
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
01/01/2019	204.680.006	204.680.006
31/12/2019	146.200.010	146.200.010

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Dự án Đầu tư xây dựng cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng (*)	219.506.731.871	167.421.861.208
- Dự án Đầu tư Xây dựng Trung tâm Logistics tại Trà Lĩnh, Cao Bằng	1.099.883.764	1.084.863.636
	220.606.615.635	168.506.724.844

(*) Dự án Đầu tư xây dựng cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội được khởi công xây dựng vào tháng 02 năm 2017 với Tổng mức đầu tư được phê duyệt là 1.703.546.489.000 đồng. Thời gian thực hiện dự án dự kiến từ tháng 02/2017 đến Quý 4/2023. Đến thời điểm hiện tại, Dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

13.1. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tổng giá trị trái phiếu	6.594.600.000	13.189.100.000
+ Trái phiếu Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (*)	5.683.300.000	11.366.600.000
+ Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG (**)	911.300.000	1.822.500.000
Cộng	6.594.600.000	13.189.100.000

(*) Là loại trái phiếu chuyển đổi được chào bán trực tiếp với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, lãi suất cố định 4%/năm, kỳ hạn 36 tháng, kỳ tính lãi 6 tháng/lần, tỷ lệ chuyển đổi là 1:10.

(**) Là loại trái phiếu chuyển đổi được chào bán trực tiếp với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, lãi suất cố định 4%/năm, kỳ hạn 24 tháng, kỳ tính lãi 1 năm/lần, tỷ lệ chuyển đổi là 1:10.

13.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Đầu tư vào Công ty con	82.756.118.885	84.796.118.885
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	154.941.242.229	32.521.242.229
- Đầu tư vào đơn vị khác	67.783.767.705	103.700.957.936
	305.481.128.819	221.018.319.050

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào Công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2019 như sau:

Tên Công ty con	Vốn điều lệ VND	31/12/2019 VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	30.000.000.000	15.300.000.000	-
- Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	30.000.000.000	18.673.724.750	-
- Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế	30.000.000.000	15.300.000.000	141.362.569
- Công ty CP Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	65.000.000.000	33.482.394.135	-
		82.756.118.885	141.362.569

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2019 như sau:

Tên Công ty liên doanh, liên kết	31/12/2019 VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Logistics Tây Ninh	112.500.000.000	-
- Công ty TNHH khai thác và chế biến đá An Bình	4.725.688.990	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	754.000.000	-
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Din - Interserco Việt Nam (1)	900.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế Hải Phòng (3)	1.441.000.000	-
- Công ty CP Interserco - CB	1.250.000.000	-
- Công ty CP Interserco 19	200.000.000	-
- Công ty CP đầu tư Bất động sản Quốc tế	9.594.973.518	-
- Công ty TNHH Interserco Cao Bằng	384.000.000	384.000.000
- Trường Trung cấp Nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội	4.500.000.000	-
- Công ty May liên doanh Plummy	3.920.787.063	-
- Công ty Cổ phần Chuỗi Cung ứng Liên hợp	9.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	3.060.000.000	1.142.469.240
- Công ty Cổ phần Tây Tây Bắc (2)	1.910.792.658	1.448.936.908
	154.941.242.229	2.975.406.148

(1) Theo Giấy xác nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội ngày 12/05/2016, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ DIN-Interserco Việt Nam đã đăng ký tạm dừng kinh doanh từ ngày 30/05/2016 đến 29/05/2017. Công ty hiện đã ngừng kinh doanh nhưng chưa hoàn tất thủ tục đóng Mã số thuế.

(2) Theo thông báo ngày 02/12/2016 của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lai Châu, Công ty Cổ phần Tây Tây Bắc đã giải thể do sản xuất kinh doanh không hiệu quả.

(3) Theo Giấy xác nhận số 36111/18 ngày 05/07/2018 của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng, Công ty đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày 18/07/2018 đến 17/07/2019. Hiện công ty đang hoàn tất các thủ tục giải thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

13.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 31/12/2019 như sau:

	31/12/2019		01/01/2019		Dự phòng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không (4)	38.036.456.997	-	32.353.156.997	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG (5)	3.470.544.585	-	2.559.344.585	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Sừ Pán 1	22.632.000.000	-	22.632.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần chứng khoán phố Wall	2.035.878	-	-	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Kim Thanh - Dự án vườn sinh thái Cẩm Đình	-	-	42.513.726.109	-	-	-
- Công ty CP dịch vụ xuất nhập khẩu Quốc tế Interfoods	424.720.000	-	424.720.000	-	-	-
- Công ty CP TM & DV Tổng hợp An Bình	2.253.010.245	-	2.253.010.245	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Công nghiệp hoá chất Lào Cai	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	-	-
- Công ty CP kinh doanh dịch vụ Interserco Hà Nội	125.000.000	-	125.000.000	125.000.000	-	-
- Công ty CP Tập đoàn đầu tư tài chính, vàng Việt Nam	540.000.000	-	540.000.000	540.000.000	-	-
	67.783.767.705	300.000.000	103.700.957.936			

(4) Theo thông báo số 08/TB-ALS ngày 07/06/2019 của Công ty Cổ phần Logistics Hàng không về việc chi trả cổ tức trong năm 2019, Công ty được nhận cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 20% số cổ phần sở hữu. Ngày 29/12/2019, Công ty được quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo tỷ lệ chuyển đổi 50%. Như vậy, đến thời điểm 31/12/2019, số cổ phiếu của Công ty tại Công ty Cổ phần Logistics Hàng không là 3.978.330 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

(5) Theo thông báo số 08/2018/ASG ngày 15/02/2018 của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG về việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, Công ty được quyền nhận Cổ phiếu thưởng với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:70. Theo thông báo số 08/2019/ASG về việc chuyển đổi đợt 1 trái phiếu chuyển đổi ASG_BOND_2018, Công ty được quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo tỷ lệ chuyển đổi 50%. Như vậy, đến thời điểm 31/12/2019, số cổ phiếu của Công ty tại Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG là 579.853 Cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ DIN-Interserco Việt Nam	4.399.800.000	4.399.800.000	4.399.800.000	4.399.800.000
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	159.800.000	159.800.000	159.800.000	159.800.000
+ Công ty Cổ phần INTERSERCO VCI	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000
	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Thông tin bổ sung về các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn:				
Các khoản cho vay				
	Ngày hợp đồng	Ngày hết hạn	Tình trạng thu hồi	
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ DIN-Interserco Việt Nam	01/04/2014	không quá 02 tháng kể từ ngày 25/04/2014	Chưa thu hồi được	
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	30/11/2012	7 tháng sau khi ký hợp đồng	Chưa thu hồi được	
+ Công ty Cổ phần INTERSERCO VCI	20/04/2017	< 12 tháng từ ngày ký hợp đồng	Chưa thu hồi được	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	18.113.374.957	18.113.374.957	12.905.525.754	12.905.525.754
- Công ty TNHH XD Thanh Hoa	-	-	1.019.312.000	1.019.312.000
- Công ty TNHH CHUNGHO VINA - Chi nhánh Hà Nội	-	-	2.906.349.999	2.906.349.999
- Công ty TNHH Hafele Việt Nam	-	-	689.218.543	689.218.543
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tiếp vận Hà Nội	6.634.397.657	6.634.397.657	2.119.186.973	2.119.186.973
- Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	9.181.290.500	9.181.290.500	4.715.590.000	4.715.590.000
- Các đối tượng khác	2.297.686.800	2.297.686.800	1.455.868.239	1.455.868.239
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	41.337.512.744	41.337.512.744	41.364.205.069	41.364.205.069
- Công ty Glorious (Singapore) Pte Ltd	37.091.997.944	37.091.997.944	37.115.948.869	37.115.948.869
- Công ty TNHH Changlin	4.245.514.800	4.245.514.800	4.248.256.200	4.248.256.200
	59.450.887.701	59.450.887.701	54.269.730.823	54.269.730.823
c. Phải trả người bán là các bên liên quan	9.181.290.500	9.181.290.500	4.715.590.000	4.715.590.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	9.181.290.500	9.181.290.500	4.715.590.000	4.715.590.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	67.656.148	1.082.726	68.738.874	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	(37.758.123)	-	-	(37.758.123)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(815.538.025)	-	-	(815.538.025)
- Thuế thu nhập cá nhân	356.398	614.345.094	615.120.890	(419.398)
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	10.422.914.138	10.422.914.138	-
- Các loại thuế khác	16.028.504	34.401.946	50.430.450	-
	(769.255.098)	11.072.743.904	11.157.204.352	(853.715.546)

Trong đó:

Phải nộp
Phải thu

84.041.050
853.296.148

-
853.715.546

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	1.247.426.846	1.231.173.373
- Lãi vay phải trả	1.176.506.846	999.945.203
- Các khoản trích trước khác	70.920.000	231.228.170

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn	123.239.903.649	123.239.193.462
Kinh phí công đoàn	20.891.462	32.510.042
Các khoản phải trả, phải nộp khác	123.219.012.187	123.206.683.420
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam (*)</i>	<i>45.203.127.617</i>	<i>45.203.127.617</i>
<i>Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không (*)</i>	<i>35.493.704.528</i>	<i>35.493.704.528</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (*)</i>	<i>3.114.611.124</i>	<i>3.114.611.124</i>
<i>Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình (*)</i>	<i>11.307.344.849</i>	<i>11.307.344.849</i>
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam (**)</i>	<i>25.481.077.208</i>	<i>25.481.077.208</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư Phát triển - CN Hà Đông (**)</i>	<i>189.545.619</i>	<i>189.545.619</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>2.429.601.242</i>	<i>2.417.272.475</i>
b. Dài hạn	52.890.728.942	52.426.028.942
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	52.890.728.942	52.426.028.942
c. Phải trả khác là các bên liên quan	92.204.176.994	92.204.176.994
<i>Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình</i>	<i>11.307.344.849</i>	<i>11.307.344.849</i>
<i>Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không</i>	<i>35.493.704.528</i>	<i>35.493.704.528</i>
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam</i>	<i>45.203.127.617</i>	<i>45.203.127.617</i>
<i>Ông Phùng Tiến Toàn</i>	<i>200.000.000</i>	<i>200.000.000</i>

(*): Theo công văn số 2998/STC-TCDN ngày 30/05/2016 của Sở tài chính và công văn số 3580/UBND-KT ngày 15/06/2016 của UBND Thành phố Hà Nội quy định Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế có trách nhiệm:

- Thực hiện quản lý, hạch toán và sử dụng đúng mục đích số tiền 145.218.105.584 VND (sau khi trừ đi giá trị tài sản để góp vốn vào Công ty Cổ phần là nhà cửa, công trình vật kiến trúc trên đất là 34.781.894.416 VND) do các đối tác hỗ trợ chi phí di dời, bồi thường và lợi thế khai thác tài sản trên đất khi thực hiện dự án số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định. Trong đó, giá trị bồi thường và chi phí hỗ trợ di dời đối với các Công ty đang kinh doanh khai thác tại khu đất 17 Phạm Hùng, Hà Nội cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP)

Nội dung	Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (1)	Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam
Bồi thường nhà cửa, công trình vật kiến trúc trên đất	7.259.393.491		20.966.179.815	42.358.640.054
Bồi thường về các khoản chi phí đầu tư thêm	120.695.567		300.318.435	1.495.035.156
Bồi thường do vi phạm hợp đồng			3.250.320.000	
Chi phí hỗ trợ di dời	3.927.255.791	3.354.611.124	10.976.886.279	1.349.462.407
Cộng	11.307.344.849	3.354.611.124	35.493.704.529	45.203.137.617

(1) Đây là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sau khi đã chính thức trở thành Công ty Cổ phần.

(**): Xem thuyết minh số 20.1 phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (2) Là số tiền nợ gốc của Xí nghiệp Tô tằm Đan Hoài (năm 1997 bán giao nguyên trạng sang Công ty Giấy Hà Tây, nay bán giao sang Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) vay Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây (nay là Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hà Tây) mục đích vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.
- (3) Khoản vay theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 01/19/TLTDH/INTERSERCO ngày 17/05/2019 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế, số tiền cho vay tối đa 850.000.000 đồng với thời hạn cho vay 35 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay theo quy định của Vietcombank qua từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm: 01 xe ô tô 07 chỗ biển kiểm soát 30F-733.03, nhãn hiệu Toyota Fortuner V, số khung: MHFJX3GS9K0583524, số máy: A601252-2TR theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 01/19/TC/PTVT/INTERSERCO.
- (4) Theo Hợp đồng cho vay số 14/2019/HĐVV/ILS-LTHG ngày 06/11/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Bà Lê Thị Huyền Giang, số tiền vay 29.000.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng, lãi suất 5,5%/năm, mục đích vay để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo Quyết định số 40/QĐ-ILS ngày 10/09/2019 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về việc huy động vốn cho Dự án đầu tư xây dựng Cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Tài sản đảm bảo là 3.000.000 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Logistics Tây Ninh.
- (5) Là khoản vay theo hợp đồng vay tiền số 12/2019/HĐVV/ILS-PTMP ngày 09/10/2019, số tiền vay 3.000.000.000 đồng, lãi suất 10,5%/năm, thời hạn 04 tháng kể từ ngày ILS nhận được tiền, và khoản vay theo hợp đồng vay tiền số 16/2019/HĐVV/ILS-PTMP ngày 26/12/2019, số tiền vay 35.000.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, thời hạn 01 tháng kể từ ngày ILS nhận được tiền.
- (6) Theo Hợp đồng vay số 15/2019/HĐVV/TANIL – ILS giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Công ty Cổ phần Logistics Tây Ninh ngày 06/12/2019, Công ty Cổ phần Logistics Tây Ninh đồng ý cho ILS vay số tiền 42.000.000.000 đồng, lãi suất 5,5%/năm, thời hạn vay 06 tháng. Mục đích sử dụng khoản vay: Để bổ sung nguồn vốn thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo Quyết định số 40/QĐ-ILS ngày 10/09/2019 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về việc huy động vốn cho Dự án đầu tư xây dựng Cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Tài sản đảm bảo khoản vay là: 4.500.000 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Logistics Tây Ninh.
- Là khoản vay theo Hợp đồng vay số 17/2019/HĐVV/TANIL-ILS giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Công ty Cổ phần Logistics Tây Ninh ngày 30/12/2019, Công ty Cổ phần Logistics Tây Ninh đồng ý cho ILS vay số tiền 36.500.000.000 đồng, lãi suất 5,5%/năm, thời hạn vay 06 tháng. Mục đích sử dụng khoản vay: Để bổ sung nguồn vốn thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐQT ngày 29/11/2018 của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Quyết định số 40/QĐ-ILS ngày 10/09/2019 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về việc huy động vốn cho Dự án đầu tư xây dựng Cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Tài sản đảm bảo khoản vay là: 3.750.000 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Logistics Tây Ninh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(7) Là khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 08/2018/ILS-ILSM ngày 25/12/2018 và Phụ lục hợp đồng vay tiền số 03/2019/PLHĐVV/ILS-ILSM ngày 05/07/2019, giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế. Theo đó hạn mức cho vay tối đa là 5.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày ILS nhận được tiền vay, khoản vay này sẽ được tự động gia hạn nếu ILS chưa thực hiện thanh toán khoản vay cho ILSM, lãi suất khoản vay là 07%/năm.

(8) Theo Hợp đồng vay tiền số 08/2019/HĐVV/ILS-ILST ngày 20/05/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam, hạn mức cho vay tối đa 10.000.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay tối thiểu 03 tháng kể từ ngày ILS nhận được tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu tài sản VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*) VND	Tổng cộng VND
01/01/2018	360.000.000.000	(25.136.108.326)	334.863.891.674
- Lỗ trong năm	-	(16.464.341)	(16.464.341)
- Tăng khác	-	252.000.000	252.000.000
- Giảm khác	-	(296.110.180)	(296.110.180)
31/12/2018	360.000.000.000	(25.196.682.847)	334.803.317.153
01/01/2019	360.000.000.000	(25.196.682.847)	334.803.317.153
- Lãi trong năm	-	(8.848.746.679)	(8.848.746.679)
- Giảm khác (**)	-	(37.800.000)	(37.800.000)
31/12/2019	360.000.000.000	(34.083.229.526)	325.916.770.474

(*) Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: “Giảm lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay Ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xoá nợ lãi vay phải trả theo quy định. Đến thời điểm 31/12/2019, Công ty đã lập hồ sơ và làm thủ tục này tuy nhiên đang đợi Bộ tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam giải quyết.

(**) Là khoản thanh toán thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không tham gia điều hành Quý 4 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
Vốn góp của Nhà nước	162.000.000.000	45,00%	162.000.000.000	45,00%
Vốn góp các đối tượng khác	198.000.000.000	55,00%	198.000.000.000	55,00%
+ Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	97.200.000.000	27,00%	97.200.000.000	27,00%
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán phố Wall	10.258.000.000	2,85%	13.257.000.000	3,68%
+ Công ty Cổ phần đầu tư HMG Việt Nam	17.186.000.000	4,77%	-	
+ Ông Phùng Tiến Toàn	16.200.000.000	4,50%	16.200.000.000	4,50%
+ Bà Phan Thị Thanh Hoa	11.066.000.000	3,07%	9.961.000.000	2,77%
+ Bà Nguyễn Minh Hào	6.835.030.000	1,90%	6.835.030.000	1,90%
+ Bà Lý Như Anh	8.655.600.000	2,40%	8.656.000.000	2,40%
+ Bà Phùng Thúy Hoa	6.417.000.000	1,78%	6.417.000.000	1,78%
+ Bà Nguyễn Phương Hiền	5.573.000.000	1,55%	5.573.000.000	1,55%
+ Đối tượng khác	18.609.370.000	5,17%	33.900.970.000	9,42%
	360.000.000.000	100,00%	360.000.000.000	100,00%

20.3 BIẾN ĐỘNG VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
+ Vốn góp đầu năm	360.000.000.000	360.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	360.000.000.000	360.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2019	01/01/2019
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	36.000.000	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.000.000	36.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.000.000	36.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.000.000	36.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i><u>Ngoại tệ các loại</u></i>	31/12/2019	01/01/2019
Đô la Mỹ (USD)	63.928,24	1.534,17
Yên Nhật (JPY)	30.769,00	32.221,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu	65.465.278.246	46.700.798.765
- Doanh thu bán hàng hóa	3.879.080.795	3.189.802.497
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	61.586.197.451	43.510.996.268
Doanh thu với các bên liên quan	11.002.309.068	13.939.572.727
+ Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	10.643.109.068	13.832.909.091
+ Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	-	20.454.545
+ Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế	296.254.545	4.281.818
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	62.945.455	81.927.273

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	3.414.852.418	2.641.075.669
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	57.138.021.130	36.362.454.822
	60.552.873.548	39.003.530.491

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	454.598.725	735.952.767
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	22.190.299	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.486.356.222	6.914.970.000
- Trái tức từ trái phiếu chuyển đổi của ALS	454.664.000	226.709.173
- Doanh thu tài chính khác	1.420.943.296	-
	13.838.752.542	7.877.631.940

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Chi phí lãi vay	42.968.989	777.700.441
- Chiết khấu thanh toán	-	642.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	3.343.747	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	906.522.320
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	2.132.936.908	899.385.327
- Chi phí tài chính khác	2.159.376.089	-
	4.338.625.733	2.584.250.089

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	19.022.785.542	11.548.564.593
- Chi phí nhân viên quản lý	7.442.596.008	7.396.504.646
- Chi phí đồ dùng văn phòng	93.204.908	98.005.091
- Chi phí quản lý	600.882.635	321.999.175
- Chi phí khấu hao TSCĐ	663.278.790	648.908.090
- Chi phí thuế, phí và lệ phí	120.587.185	66.405.231
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	746.000.446	658.673.907
- Trích lập dự phòng	7.071.103.654	-
- Chi phí khác bằng tiền	2.285.131.916	2.358.068.453
b. Các khoản chi phí bán hàng	3.635.214.348	2.916.394.312
- Chi phí nhân công	3.009.927.404	2.732.526.443
- Chi phí vật liệu, bao bì	-	17.910.000
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	87.718.712	45.008.771
- Chi phí khấu hao TSCĐ	60.947.516	55.341.657
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	445.929.819	45.089.303
- Chi phí bằng tiền khác	30.690.897	20.518.138
	22.657.999.890	14.464.958.905

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh	-	1.050.000.000
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	276.000.000	-
- Thu nhập khác	19.051.346	450.512.344
	295.051.346	1.500.512.344

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Tiền phạt vi phạm hành chính, thuế	868.054.466	9.442.640
- Các khoản chi phí khác	30.275.176	33.225.265
	898.329.642	42.667.905

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Chi phí nhân công	10.915.511.412	11.985.424.263
- Chi phí vật liệu	314.644.023	499.462.162
- Khấu hao tài sản cố định	5.958.821.005	6.728.984.088
- Trích lập dự phòng	7.071.103.654	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.876.889.413	22.511.213.651
- Chi phí bằng tiền khác	10.618.195.036	10.734.414.261
	79.755.164.543	52.459.498.425

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

30.1 THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng thu nhập của ban giám đốc	2.148.388.000	2.618.994.000
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	108.000.000	192.000.000
- Lương thưởng và các khoản phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc	2.040.388.000	2.426.994.000

30.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

		Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Mua hàng từ bên liên quan	Mối quan hệ	24.503.144.444	8.687.087.063
Công ty Cổ phần Interserco 19	Công ty liên kết	-	45.454.545
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết	6.039.930.444	3.002.084.335
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty con	-	340.000.000
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	410.404.000	4.545.455
Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	Công ty liên kết	18.052.810.000	5.295.002.727

		Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	Mối quan hệ	11.203.265.322	6.914.970.000
Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không	Công ty liên kết	6.820.000.000	5.683.320.000
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	879.750.000	351.900.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	Công ty liên kết	1.675.477.500	-
Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	Công ty con	1.147.500.000	382.500.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết	75.400.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty con	605.137.822	497.250.000

		Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập khác	Mối quan hệ	276.000.000	1.050.000.000
Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế	Công ty con	276.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	Công ty con	-	1.050.000.000

		Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vay vốn	Mối quan hệ	88.700.000.000	4.730.503.318
Ông Nguyễn Thái Hòa	Tổng Giám đốc	-	500.000.000
Công ty cổ phần Logistics Tây Ninh	Công ty Liên kết	78.500.000.000	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty Liên kết	-	1.230.503.318
Công ty CP Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế	Công ty con	6.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty con	4.200.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

30.3 SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

		31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Trả trước cho người bán	Mối quan hệ	4.175.062.766	5.546.313.206
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	1.675.000.000	1.675.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết	2.069.578.866	3.440.829.306
Công ty Cổ phần Interserco 19	Công ty liên kết	430.483.900	430.483.900
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Mối quan hệ	87.700.000.000	-
Công ty cổ phần Logistics Tây Ninh	Công ty liên kết	78.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty con	4.200.000.000	-
Công ty CP Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế	Công ty con	5.000.000.000	-

31. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Theo hợp đồng nguyên tắc hợp tác liên doanh số 09/2011/HĐLD/AZ-INTERSERCO ngày 30/03/2011 được ký giữa công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (Bên A) và Công ty Cổ phần bất động sản AZ (Bên B) và bà Phạm Thị Hạnh (Bên C), các Bên thống nhất cùng nhau thành lập một công ty để tiến hành các thủ tục xin phép đầu tư, xây dựng và quản lý công trình xây dựng chung cư hỗn hợp cao cấp kết hợp văn phòng thương mại trên khu đất khoảng 38.000 m² tại 17 đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội. Phụ thuộc vào việc sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp nhận chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất và lập dự án đầu tư tại 17, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, các Bên sẽ góp phần thành lập công ty cổ phần và lập dự án đầu tư tại địa chỉ nói trên. Theo đó, Bên A và Bên C chịu trách nhiệm lập dự án, hoàn thiện các thủ tục theo quy định và trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi dự án được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500, Bên B phải hoàn thành lập dự án chi tiết việc di dời cảng ICD ra ngoài vành đai 4 (tại Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội). Theo tiến độ thực hiện dự án, dự kiến sẽ tiến hành thi công dự án theo lộ trình từng phân phù hợp với mặt bằng đã được di chuyển hoàn tất, bắt đầu từ tháng 12 năm 2012. Theo phụ lục hợp đồng số 02 ngày 06/03/2016, Bên C đã được chuyển thành bà Tạ Thị Huyền Trang.

Theo văn bản số 3580/UBND-KT ngày 15/6/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Vimediland của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: "Sau khi xem xét, UBND thành phố có ý kiến như sau: Chấp thuận đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2998/STC-TCDN ngày 30/05/2016; cho phép Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vimediland để thực hiện dự án Tổ hợp thương mại và căn hộ cao cấp City Of Dreams theo quy hoạch tại số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, với mức vốn điều lệ của công ty cổ phần là 290 tỷ đồng (hai trăm chín mươi tỷ đồng). Trong đó, Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp 26% vốn điều lệ, tương ứng 75.400.000.000 đồng (bảy mươi lăm tỷ, bốn trăm triệu đồng) bằng tài sản trên đất, giá trị lợi thế quyền khai thác tài sản trên đất tại số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và từ nguồn tiền do các đối tác khác bồi thường hỗ trợ".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Theo Thông báo kết quả kiểm toán số 902/TB-KVI ngày 11/12/2018 tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (Nay là Công ty CP Đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế) của Kiểm toán Nhà nước khu vực 1 về kiểm toán chuyên đề việc xác định giá trị doanh nghiệp, thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2013-2017. Kiểm toán Nhà nước có kiến nghị với UBND thành phố Hà Nội liên quan đến phương án sử dụng đất chưa phù hợp, chậm triển khai:

- Xem xét điều chỉnh các quyết định phê duyệt chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất thực hiện dự án từ lâu nhưng không thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật; Xem xét điều chỉnh quyết định cho phép chuyển đổi công năng sử dụng đất từ trụ sở làm việc sang đất thương mại, dịch vụ không đúng phương án cổ phần hóa: chuyển đổi mục đích sử dụng khu đất 11.959 m² tại 17 Phạm Hùng của Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và Dịch vụ quốc tế và bổ sung chức năng sử dụng đất 2.746,9 m² tại 358 đường Láng cho Công ty CP Cung ứng nhân lực và thương mại quốc tế để kinh doanh dịch vụ và thương mại.
- Chỉ đạo rà soát, đàm phán hủy bỏ các hợp đồng liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư chuyển đổi mục đích sử dụng đất, liên quan đến quyền sử dụng đất thuê Nhà nước, trả tiền hàng năm không đúng quy định; Đánh giá lại năng lực các nhà đầu tư, nếu không đủ năng lực triển khai dự án thì làm việc với đối tác để chấm dứt hợp đồng giữa Công ty với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hệ thống Quốc tế và bà Nguyễn Thị Nhất Thảo để triển khai dự án 11.959,5 m² tại số 17 đường Phạm Hùng từ năm 2007 đến nay vẫn chưa triển khai dự án. Thực hiện đấu thầu lựa chọn đối tác để góp vốn liên doanh, liên kết để chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đầu tư xây dựng, kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản... gắn với quyền sử dụng khu đất nhằm đảm bảo tính cạnh tranh, hiệu quả nhất.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Trưởng ban Tài chính- Đầu tư

Tổng Giám đốc

Phùng Ngọc Dung

Triệu Văn Bằng

Nguyễn Thái Hòa